CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2025/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2025*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về thời hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; việc gia hạn, điều chỉnh, trả lại, thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; cơ quan thẩm định, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại, thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV; việc bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản nhóm IV; việc xử lý đối với phần khoáng sản dôi dư quy định tại điểm d khoản 2 Điều 73 Luật Địa chất và khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến khai thác khoáng sản nhóm IV.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dự án, công trình sử dụng khoáng sản là các dự án, công trình, hạng mục công trình, biện pháp huy động khẩn cấp được quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản sử dụng khoáng sản nhóm IV và được quy định trong giấy phép khai thác.

2. Khoáng sản nhóm IV dôi dư là phần khối lượng khoáng sản nhóm IV được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản đã khai thác nhưng không sử dụng hết cho dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.

Chương II
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Điều 4. Thời hạn của giấy phép khai thác

1. Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV (sau đây gọi là giấy phép khai thác) cấp cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản có thời hạn tối đa không quá 10 năm, bao gồm thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác được xác định theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản. Thời hạn của giấy phép khai thác có thể được gia hạn nhiều lần theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá 5 năm.

2. Giấy phép khai thác cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản có thời hạn tối đa bằng với thời hạn thực hiện của dự án, công trình sử dụng khoáng sản ghi trong giấy phép khai thác, bao gồm thời gian xây dựng cơ bản, thời gian khai thác. Thời hạn của giấy phép khai thác có thể được gia hạn nhiều lần theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này, nhưng tổng thời gian cấp và gia hạn không vượt quá thời hạn thực hiện (kể cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh) của dự án, công trình sử dụng khoáng sản ghi trong giấy phép khai thác.

Điều 5. Cơ quan giải quyết hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại, thu hồi giấy phép khai thác

1. Bộ phận một cửa là cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ khi hồ sơ đủ thành phần theo quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thành phần, bộ phận một cửa không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do không tiếp nhận trong phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định của Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính.

2. Cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại, thu hồi giấy phép khai thác.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại, thu hồi giấy phép khai thác.

4. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác được thực hiện như sau:

a) Trong quá trình thẩm định, trình hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác, trường hợp phải bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện, trong đó nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện. Việc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ thực hiện một lần. Trường hợp hồ sơ sau hoàn thiện không đáp ứng theo yêu cầu bổ sung, hoàn thiện lần đầu thì có thể đề nghị bổ sung, hoàn thiện lại, nhưng không được phát sinh nội dung yêu cầu mới;

b) Thời gian hoàn thiện, bổ sung hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, trình cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại, thu hồi giấy phép khai thác;

c) Trường hợp sau khi bổ sung, hoàn thiện lại mà hồ sơ vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định, cơ quan thẩm định hồ sơ dừng thẩm định và trả lại hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, trả lại giấy phép khai thác. Tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp này được quyền nộp lại hồ sơ nhưng sẽ được tính là hồ sơ nộp mới.

Điều 6. Cấp giấy phép khai thác

1. Điều kiện cấp giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản như sau:

a) Có quyết định chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Phù hợp với nguyên tắc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản;

d) Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác đã có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV hoặc kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, công nhận hoặc phê duyệt;

đ) Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

2. Điều kiện cấp giấy phép khai thác cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản như sau:

a) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này;

b) Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác được lập thành 01 bộ nộp cho bộ phận một cửa. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác; bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt theo quy định, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV, các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

b) Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép khai thác, phương án khai thác khoáng sản nhóm IV; bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả khảo sát thông tin chung về khoáng sản nhóm IV.

4. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến quy định tại điểm a khoản này, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác;

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các nội dung: tọa độ, diện tích, chiều sâu, khối lượng khoáng sản, công suất, thời hạn khai thác của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và các nội dung khác có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định;

e) Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân.

5. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép khai thác cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến quy định tại điểm a khoản này, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ cấp giấy phép khai thác;

c) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các nội dung: tọa độ, diện tích, chiều sâu, khối lượng khoáng sản, công suất, thời hạn khai thác của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác và các nội dung khác có liên quan đến việc cấp giấy phép khai thác; xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; trình hồ sơ cấp giấy phép khai thác, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác. Trong trường hợp không cấp giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định;

e) Trong trường hợp được cấp giấy phép khai thác, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.

Điều 7. Gia hạn giấy phép khai thác

1. Giấy phép khai thác cấp cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được xem xét gia hạn để khai thác khối lượng khoáng sản còn lại quy định trong giấy phép khai thác chưa khai thác hết khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

a) Có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc quyết định gia hạn thời hạn hoạt động đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường được điều chỉnh, cấp lại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với giấy phép khai thác đề nghị gia hạn, bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

d) Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều này nộp trước ngày giấy phép khai thác hết thời hạn khai thác.

2. Giấy phép khai thác cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được xem xét gia hạn để khai thác khối lượng khoáng sản còn lại quy định trong giấy phép khai thác chưa khai thác hết khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

b) Dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong Giấy phép khai thác phải còn thời hạn (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh) ít nhất bằng thời gian gia hạn giấy phép khai thác.

3. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác được lập thành 01 bộ nộp cho bộ phận một cửa. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác; kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; văn bản điều chỉnh kéo dài thời gian thực hiện các dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản; các văn bản chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục gia hạn giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc gia hạn giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến quy định tại điểm a khoản này, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau

thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác;

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình gia hạn giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

đ) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định;

e) Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được gia hạn giấy phép khai thác, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn cho tổ chức, cá nhân.

5. Trình tự, thủ tục gia hạn giấy phép khai thác cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa; trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến chủ đầu tư dự án, công trình sử dụng khoáng sản về việc gia hạn giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến quy định tại điểm a khoản này, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác;

c) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, thời gian gia hạn và các nội dung khác có liên quan đến việc gia hạn giấy phép khai thác; trình hồ sơ gia hạn giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

d) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình gia hạn giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn hoặc không gia hạn giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định;

e) Trong trường hợp được gia hạn giấy phép khai thác bộ phận một cửa bàn giao giấy phép khai thác khoáng sản gia hạn cho tổ chức đề nghị gia hạn khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.

6. Trường hợp giấy phép khai thác hết thời hạn trong quá trình thẩm định, xem xét gia hạn:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải dừng khai thác khoáng sản đến khi giấy phép khai thác được gia hạn. Trường hợp không được gia hạn giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định khi giấy phép khai thác hết hiệu lực;

b) Cơ quan thẩm định hồ sơ tiếp tục thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gia hạn giấy phép khai thác nếu hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép khai thác đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

7. Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác quy định tại Mẫu số 1 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp quy định tại Mẫu số 4 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn giấy phép khai thác thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Điều chỉnh giấy phép khai thác

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải điều chỉnh giấy phép khai thác khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Thay đổi khối lượng (trữ lượng) khoáng sản quy định trong giấy phép;

b) Mở rộng diện tích, thay đổi chiều sâu khai thác khoáng sản;

c) Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản;

d) Tăng công suất khai thác khoáng sản;

đ) Giảm công suất khai thác khoáng sản đồng thời với kéo dài thời hạn khai thác so với thời hạn quy định trong giấy phép khai thác;

e) Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác thay đổi tên gọi;

g) Một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

h) Thay đổi hoặc bổ sung dự án, công trình sử dụng khoáng sản đối với trường hợp giấy phép khai thác được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản.

2. Giấy phép khai thác cấp cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 được xem xét điều chỉnh khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

a) Có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư hoặc quyết định gia hạn thời hạn hoạt động đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc diện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

b) Có quyết định phê duyệt báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường, giấy phép môi trường được điều chỉnh, cấp lại theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, phải có kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV ở phần mở rộng hoặc xuống sâu của khu vực khai thác;

d) Đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ và điểm h khoản 1 Điều này, tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với giấy phép khai thác đề nghị điều chỉnh, bao gồm: tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; tiền hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản (nếu có); phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; thuế tài nguyên đối với khoáng sản, tiền ký quỹ bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản;

đ) Có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều này.

3. Giấy phép khai thác cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 được xem xét điều chỉnh khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này;

b) Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác có kèm theo điều chỉnh thời hạn khai thác, dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác phải còn thời hạn (bao gồm cả thời hạn được gia hạn, điều chỉnh) ít nhất bằng thời hạn khai thác điều chỉnh;

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, dự án, công trình sử dụng khoáng sản đề nghị thay đổi hoặc bổ sung vào giấy phép khai thác phải do tổ chức được cấp giấy phép khai thác là nhà thầu thi công.

4. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác được lập thành 01 bộ nộp cho bộ phận một cửa. Thành phần hồ sơ bao gồm:

a) Bản chính: Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này; kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này; đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều này;

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính các văn bản chứng minh đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quy định tại điểm d khoản 2 Điều này; dự án khai thác khoáng sản được phê duyệt điều chỉnh theo quy định pháp luật đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này; văn bản chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công dự án, công trình, sử dụng khoáng sản đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép khai thác quy định tại điểm h khoản 1 Điều này; văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi đối với trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều này.

5. Trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c và điểm g khoản 1 Điều này. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về nội dung điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến quy định tại điểm a khoản này, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác;

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều này, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan có liên quan quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;

d) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, các nội dung đề nghị điều chỉnh và các nội dung khác có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác (đồng thời phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều này), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình điều chỉnh giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác. Trong trường hợp không điều chỉnh giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

e) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định;

g) Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được điều chỉnh giấy phép khai thác, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức, cá nhân.

6. Trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa đối với trường hợp quy định tại điểm b, điểm c và điểm g khoản 1 Điều này. Trường hợp cần thiết, gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng, văn hoá, lâm nghiệp, đê điều, thuỷ lợi, thuỷ điện, tôn giáo, giao thông, viễn thông, quốc phòng, an ninh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản và các nội dung liên quan đến điều chỉnh giấy phép khai thác đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; lấy ý kiến chủ đầu tư dự án, công trình sử dụng khoáng sản về việc sử dụng khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều này.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến quy định tại điểm a khoản này, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác;

c) Đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều này, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan có liên quan quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;

d) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ, các nội dung đề nghị điều chỉnh và các nội dung khác có liên quan đến việc điều chỉnh giấy phép khai thác, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản điều chỉnh (nếu có); trình hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác (đồng thời phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều này), phê duyệt điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nếu có) cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình điều chỉnh giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác. Trong trường hợp không điều chỉnh giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

e) Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định;

g) Trong trường hợp tổ chức được điều chỉnh giấy phép khai thác, bộ phận một cửa bàn giao quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác cho tổ chức đề nghị điều chỉnh giấy phép ngay khi nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan.

7. Trường hợp giấy phép khai thác hết thời hạn trong quá trình thẩm định, xem xét điều chỉnh:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải dừng khai thác khoáng sản đến khi giấy phép khai thác được điều chỉnh (bao gồm nội dung điều chỉnh thời hạn khai thác). Trường hợp không được điều chỉnh giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định khi giấy phép khai thác hết hiệu lực;

b) Cơ quan thẩm định hồ sơ tiếp tục thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh giấy phép khai thác nếu hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

8. Đối với trường hợp quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều này, sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại Điều 74 và Điều 75 của Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010 và quy định tại Điều 46 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

9. Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác quy định tại Mẫu số 2, của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo quy định tại Mẫu số 4 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản quy định tại Mẫu số 5 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác quy định tại Mẫu số 6 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 9. Trả lại giấy phép khai thác

1. Giấy phép khai thác được xem xét cho phép trả lại khi tổ chức, cá nhân có hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều này nộp trước ngày giấy phép khai thác hết thời hạn khai thác.

2. Hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác được lập thành 01 bộ nộp cho bộ phận một cửa. Thành phần hồ sơ bao gồm bản chính: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Trình tự, thủ tục cho phép trả lại giấy phép khai thác được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, rà soát các tài liệu, hồ sơ và các nội dung có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác; kiểm tra tại thực địa; gửi văn bản lấy ý kiến cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc trả lại giấy phép khai thác.

Thời điểm kiểm tra tại thực địa do cơ quan thẩm định hồ sơ quyết định nhưng phải hoàn thành trước khi trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ có văn bản lấy ý kiến quy định tại điểm b khoản này, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn quy định tại khoản này, cơ quan được lấy ý kiến không có văn bản trả lời được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan trong hồ sơ trả lại giấy phép khai thác;

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ các ý kiến của cơ quan có liên quan quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ phải trình Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản để thẩm định theo quy định tại Điều 45 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP;

d) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày thực hiện xong các nội dung quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản này, cơ quan thẩm định hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc trả lại giấy phép khai thác; trình hồ sơ trả lại giấy phép khai thác đồng thời với phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cho phép trả lại giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác. Trong trường hợp không cho phép trả lại giấy phép khai thác thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

e) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cho phép trả lại hoặc không cho phép trả lại giấy phép khai thác, bộ phận một cửa chủ trì, phối hợp với cơ quan thẩm định hồ sơ thông

báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác để nhận kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định;

g) Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được trả lại giấy phép khai thác, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ văn bản chứng minh việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính có liên quan, bộ phận một cửa bàn giao quyết định cho phép trả lại giấy phép cho tổ chức, cá nhân.

4. Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép trả lại giấy phép khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nghiệm thu và quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định tại Điều 74 và Điều 75 của Luật Khoáng sản và quy định tại Điều 46 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

5. Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác quy định tại Mẫu số 3 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản quy định tại Mẫu số 5 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác quy định tại Mẫu số 7 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép khai thác thực hiện theo quy định tại điểm h khoản 4 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 10. Thu hồi, chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác

1. Giấy phép khai thác bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép khai thác cấp không đúng thẩm quyền hoặc có nội dung trái quy định của pháp luật;

b) Khu vực được phép khai thác bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

c) Khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy phép khai thác để sử dụng vào mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Đối với giấy phép khai thác cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản, sau 06 tháng kể từ ngày dự án, công trình sử dụng khoáng sản ghi trong giấy phép khai thác chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đầu tư hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc bị thu hồi giấy phép đầu tư hoặc hợp đồng dự án PPP bị chấm dứt theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác

công tư mà tổ chức được cấp giấy phép khai thác không nộp hồ sơ hợp lệ đề nghị điều chỉnh giấy phép theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 8 của Nghị định này cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2. Giấy phép khai thác chấm dứt hiệu lực khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép khai thác bị thu hồi;

b) Giấy phép khai thác đã hết thời hạn khai thác nhưng không đủ điều kiện để gia hạn;

c) Giấy phép khai thác được trả lại;

d) Tổ chức khai thác khoáng sản giải thể, phá sản;

đ) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã;

e) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về đầu tư;

g) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi toàn bộ diện tích đất tại khu vực khai thác khoáng sản do vi phạm pháp luật về đất đai;

h) Theo bản án, quyết định của Tòa án, phán quyết trọng tài.

3. Tổ chức, cá nhân phát hiện trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện thủ tục thu hồi giấy phép khai thác.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép khai thác được thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được thông báo đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan xác minh, làm rõ các nội dung không đúng thẩm quyền hoặc trái quy định của pháp luật; tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ thu hồi giấy phép khai thác theo quy định tại khoản 5 Điều này.

Trong thời hạn không quá 20 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, thu hồi toàn bộ diện tích đất hoạt động khoáng sản quy định tại

điểm b và điểm c khoản 1 Điều này, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ thu hồi giấy phép khai thác theo quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác;

c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định thu hồi giấy phép khai thác, cơ quan chuyên môn về địa chất, khoáng sản thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo công khai việc thu hồi giấy phép khai thác trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời có văn bản thông báo chấm dứt hiệu lực của giấy phép khai thác bị thu hồi và yêu cầu tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện nghĩa vụ đóng cửa mỏ khoáng sản và các nghĩa vụ khác có liên quan giấy phép khai thác chấm dứt hiệu lực.

5. Hồ sơ trình thu hồi giấy phép khai thác bao gồm:

a) Tờ trình hoặc Phiếu trình về lý do, kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ, tài liệu có liên quan và đề xuất việc thu hồi hoặc không thu hồi giấy phép khai thác;

b) Văn bản thông báo của tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 3 Điều này đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Biên bản, tài liệu xác minh, làm rõ các nội dung không đúng thẩm quyền hoặc trái quy định của pháp luật đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

d) Bản sao quyết định phê duyệt khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

đ) Bản sao quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

e) Dự thảo Quyết định thu hồi giấy phép khai thác.

6. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép khai thác có nghĩa vụ thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của pháp luật.

7. Quyết định thu hồi giấy phép khai thác quy định tại Mẫu số 8 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 11. Xử lý khoáng sản nhóm IV dôi dư đối với giấy phép khai thác cấp cho tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản

1. Tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản được cấp giấy phép khai thác chỉ được phép sử dụng khoáng sản nhóm IV cho các dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác.

2. Trường hợp dự án, công trình sử dụng khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác không còn nhu cầu sử dụng, phần khoáng sản dôi dư được xử lý như sau:

a) Cung cấp cho các dự án, công trình sử dụng khoáng sản khác sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giấy phép khai thác theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 8 của Nghị định này;

b) Cung cấp cho các dự án đầu tư công khác sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Sử dụng để cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án khai thác khoáng sản.

Điều 12. Bảo vệ môi trường, cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản nhóm IV

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản phải thực hiện thủ tục về môi trường và thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tổ chức khai thác khoáng sản quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản phải thực hiện các yêu cầu sau:

a) Có phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án khai thác khoáng sản;

b) Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác; cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong phương án khai thác khoáng sản khi kết thúc khai thác khoáng sản.

3. Việc hoàn trả tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho tổ chức khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ

Bổ sung điểm h khoản 1 Điều 22 như sau:

"h. Khu vực khoáng sản nhóm IV được khoanh định để xem xét, cấp giấy phép khai thác cho tổ chức được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, lựa chọn là nhà thầu thi công dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công khẩn cấp, công trình, hạng mục công trình thuộc chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định của pháp luật về đầu tư công; thực hiện biện pháp huy động khẩn cấp để kịp thời ứng phó với tình huống khẩn cấp về thiên tai, thi công công trình phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.".

Điều 14. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác đối với các loại khoáng sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 của Luật Địa chất và khoáng sản mà chưa có kết quả giải quyết hồ sơ thì được lựa chọn thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ hoặc theo quy định của Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thăm dò đối với các loại khoáng sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 của Luật Địa chất và khoáng sản mà giấy phép thăm dò khoáng sản đang còn thời hạn, chưa được phê duyệt trữ lượng khoáng sản thì được lựa chọn tiếp tục thăm dò theo giấy phép thăm dò đã cấp hoặc thực hiện việc khảo sát, đánh giá thông tin chung về khoáng sản nhóm IV theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 73 của Luật Địa chất và khoáng sản và quy định của Nghị định này.

3. Các giấy phép khai thác các loại khoáng sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 của Luật Địa chất và khoáng sản cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được thực hiện như sau:

a) Tiếp tục thực hiện các quy định trong giấy phép khai thác;

b) Việc gia hạn, điều chỉnh, trả lại, thu hồi giấy phép khai thác được thực hiện theo quy định của Nghị định này.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b). 100

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục

CÁC MẪU VĂN BẢN TRONG HỒ SƠ GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH, TRẢ LẠI, THU HỒI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

(Kèm theo Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ)

Mẫu số 1	Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác
Mẫu số 2	Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác
Mẫu số 3	Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác
Mẫu số 4	Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo
Mẫu số 5	Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản
Mẫu số 6	Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác
Mẫu số 7	Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác
Mẫu số 8	Quyết định thu hồi giấy phép khai thác

Mẫu số 1: Văn bản đề nghị gia hạn giấy phép khai thác

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác ..... (*tên khoáng sản*[1])..... tại xã ....., huyện ....., tỉnh ..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được phép khai thác: ..... (tấn, m^3,...).

Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn: ..... (tấn, m^3,...).

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác: .....(*số năm khai thác*[2])..... năm, đến ngày ..... tháng ..... năm .....

Lý do đề nghị gia hạn: .....

.....

(có kế hoạch khai thác gửi kèm theo).

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[1] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

[2] Tổng số năm khai thác khoáng sản tính từ khi cấp phép khai thác khoáng sản đến hết thời gian đề nghị gia hạn.

Mẫu số 2: Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác ..... (*tên khoáng sản*[1])…. tại xã ....., huyện ....., tỉnh ..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) …....

Đề nghị điều chỉnh ……. (*nội dung điều chỉnh*[2])……. của Giấy phép khai thác khoáng sản như sau:

- … (*nội dung theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV đã cấp*)…….;

- … (*nội dung đề nghị điều chỉnh*)……..;

Lý do đề nghị điều chỉnh: .....

.....

(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

---

[1] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

[2] Các nội dung điều chỉnh là một hoặc một số nội dung sau:

- Điều chỉnh khối lượng khoáng sản quy định trong giấy phép;
- Điều chỉnh về diện tích, chiều sâu khai thác khoáng sản;
- Trả lại một phần diện tích khai thác khoáng sản;
- Điều chỉnh tăng công suất khai thác khoáng sản;
- Điều chỉnh giảm công suất khai thác khoáng sản, kéo dài thời hạn khai thác khoáng sản;
- Đổi tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác;
- Trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản do bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;
- Thay đổi dự án, công trình sử dụng khoáng sản (chỉ áp dụng đối với trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản được cấp cho các tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 Luật Địa chất và khoáng sản).

Mẫu số 3: Văn bản đề nghị trả lại giấy phép khai thác

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI
GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NHÓM IV

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

(*Tên tổ chức, cá nhân*).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ..... cho phép khai thác khoáng sản .....(*tên khoáng sản*)..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV số..... ngày .... tháng ..... năm ..... tại khu vực ..... mỏ ..... (*tên mỏ*[1]).... thuộc xã ..... huyện ..... tỉnh (thành phố) .....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV nêu trên (Diện tích đề nghị trả lại có toạ độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo).

Lý do đề nghị trả lại: .....

.....

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

[1] Tên mỏ ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản.

Mẫu số 4: Kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số ...../KH-.....	*Địa danh, ngày.... tháng.... năm ....*

KẾ HOẠCH
Khai thác khoáng sản trong thời gian tiếp theo

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

I. Mô tả hiện trạng khu vực đã được cấp phép khai thác, cụ thể gồm:

1. Mở vỉa, hệ thống khai thác khoáng sản, công nghệ khai thác...;

2. Vận tải, công đoạn phụ trợ trong khai thác khoáng sản;

3. Các công trình bảo vệ môi trường (nếu có).

II. Kế hoạch khai thác trong thời gian tiếp theo

1. Phương pháp tiếp tục khai thác:.....

2. Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (m^2, ha, km^2).

3. Chiều sâu tiếp tục khai thác: từ mức .....m, đến mức.....m.

4. Khối lượng (trữ lượng) tiếp tục khai thác:

Trong đó, sản lượng dự kiến tiếp tục khai thác theo từng năm như sau:

.....

.....

.....

5. Công suất tiếp tục khai thác:..... (tấn/năm, m^3/năm, m^3/ngày - đêm).

6. Thời hạn tiếp tục khai thác:..... tháng/năm (từ ngày.....tháng.....năm.... đến ngày.....tháng.....năm....).

.....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... cam kết thực hiện đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 5: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)
****

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
(ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)
(Tên mỏ khoáng sản, thuộc xã....., huyện....., tỉnh.....)

Địa danh, năm ...

(TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)
****

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ
(ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)
(Tên mỏ khoáng sản, thuộc xã....., huyện....., tỉnh.....)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN	**ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN**
(Chức danh)	*(nếu có)*
	(Chức danh)
Chữ ký, đóng dấu	*Chữ ký, đóng dấu*
(Họ và tên)	***(Họ và tên)***

Địa danh, năm ...

NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN, ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỘT PHẦN KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở để lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản) ***(trong Mẫu số 4 này gọi chung là đề án đóng cửa mỏ khoáng sản)***

- Các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản có liên quan;

- Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày .... tháng ..... năm.....;

- Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản được phê duyệt tại Quyết định số ..... ngày ... tháng ..... năm ..... của ....;

- Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt tại Quyết định số ..... ngày ... tháng ..... năm ..... của ....;

- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm ..... (có phụ lục liệt kê kèm theo);

- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm ..... (có phụ lục liệt kê kèm theo);

- Các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng, đơn giá trồng cây.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ khoáng sản

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, trong đó làm rõ: Đóng cửa mỏ khoáng sản để đưa mỏ trở lại trạng thái an toàn (như: Bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác...) hay để bảo vệ do chưa khai thác hết khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong khu vực đã cấp phép hay để thanh lý toàn bộ khối lượng (trữ lượng) khoáng sản đã cấp phép?

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ khoáng sản phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê khối lượng (trữ lượng) khoáng sản đã khai thác, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê khối lượng (trữ lượng) từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;

- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt, Phương án khai thác khoáng sản; hiện trạng khu vực khai thác, khối lượng công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ khoáng sản; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

Chương I
ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình..., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

2. Lịch sử khai thác mỏ khoáng sản

Nêu khái quát trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

Chương II
HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông tin cơ bản của dự án, phương án khai thác

Nêu rõ các thông tin khu vực khai thác (toạ độ, diện tích, độ sâu, khối lượng (trữ lượng) được phê duyệt, công nhận, xác nhận, khối lượng (trữ lượng) được phép khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của dự án, phương án khai thác.

1.2. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo dự án, phương án khai thác, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất - mỏ, thay đổi về khối lượng (trữ lượng) và lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng (trữ lượng) khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản và tuổi thọ mỏ;

- Thống kê chi tiết khối lượng (trữ lượng) khoáng sản đã khai thác theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ khoáng sản; làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng

năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án, phương án khai thác đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác (tăng/giảm) khối lượng (trữ lượng) khai thác thực tế và khối lượng (trữ lượng) khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v....;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cảm kết bảo vệ môi trường, Phương án cải tạo, phục mồi môi trường, Phương án khai thác khoáng sản được phê duyệt;

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất; đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường... trong quá trình khai thác;

- Khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được duyệt; khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, khối lượng (trữ lượng) khoáng sản thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Bản cảm kết bảo vệ môi trường, Phương án cải tạo, phục mồi môi trường, Phương án khai thác khoáng sản được phê duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ khoáng sản (làm rõ các trường hợp sau):

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết khối lượng (trữ lượng) khoáng sản trong diện tích được cấp phép;

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần khối lượng (trữ lượng) khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan...).

Chương III
PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

1. Phương án đóng cửa mỏ khoáng sản

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ khoáng sản phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án đóng cửa mỏ khoáng sản khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ khoáng sản

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).

- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ khoáng sản và bảng thống kê kèm theo.

- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án.

- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã cam kết trong Phương án khai thác khoáng sản nếu có) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

3. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.

- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

Chương IV
DỰ TOÁN KINH PHÍ

Kinh phí đóng cửa mỏ khoáng sản và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ khoáng sản gây ra (lưu ý: tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung, phương án khai thác khoáng sản đã được phê duyệt).

Chương V
TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000
2	Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản
6	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ khoáng sản, bãi thải
...	Các bản vẽ khác (nếu có)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan

- Dự án (Phương án) khai thác khoáng sản và quyết định phê duyệt;

- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;

- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác;

- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);

- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;

- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hoá học, cơ lý v.v..) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu;

- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

Mẫu số 6: Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../QĐ-UBND	*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ..... tháng ..... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Căn cứ Thông tư số ... /2025/TT-BTNMT ngày ..... tháng ..... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../GP-UBND ngày ..... tháng ..... năm ..... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....;

Xét hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản của .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... ngày.... tháng.... năm....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở[1] *.....*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh ... *(nội dung, điều, khoản,...)* quy định trong Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../GP-UBND ngày..... tháng..... năm.... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ..... cấp cho .....(*tên tổ chức, cá nhân*)..... khai thác .....(*tên khoáng sản*)..... tại xã ... huyện ... tỉnh ... như sau:

.....(*nội dung điều chỉnh*).....

[1] Tên Sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

Điều 2[2]**.** Phê duyệt đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:.....

2. Diện tích thực hiện: .....

3. Khối lượng thực hiện: .....

4. Thời gian thực hiện: .....

5. Kinh phí thực hiện: .....

6. Đơn vị thực hiện: .....

Điều 3[3]**.** .....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành (nếu có).

2. Tiếp tục khai thác khoáng sản, thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định tại Giấy phép số ...../GP-UBND ngày .. tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố).....

3. Chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản tại phần diện tích trả lại và thực hiện nội dung đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đã được phê duyệt; các biện pháp phục hồi môi trường đất đai và các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật.

4. Báo cáo kết quả thực hiện đề án gửi Sở[4]..... để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

5. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số ...../GP-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở[5] ....., ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- ....(*Tên tổ chức, cá nhân*)... (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ (bản chính);
- Các sở, ngành liên quan (bản sao);
- UBND huyện ..... (bản sao);
- UBND xã ..... (bản sao).

TM. UBND TỈNH (THÀNH PHỐ) ....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

---

[2] Chỉ áp dụng đối với các trường hợp quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[3] Khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này chỉ áp dụng đối với các trường hợp quy định tại điểm c và điểm g khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

[4] Tên sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

[5] Tên sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

Mẫu số 7: Quyết định cho phép trả lại giấy phép khai thác

UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:...../QĐ-UBND	*Địa danh, ngày... tháng... năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) .....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số ...../2025/NĐ-CP ngày .....tháng ..... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Căn cứ Thông tư số ..... /2025/TT-BTNMT ngày .....tháng ..... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Xét hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản của .....(Tên tổ chức, cá nhân)..... ngày .... tháng .... năm ....;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở[1] *.....*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép .....(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được trả lại giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm .....

Điều 2. Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản với các thông tin chính như sau:

1. Mục đích:.....

2. Diện tích thực hiện: .....

3. Khối lượng thực hiện: .....

4. Thời gian thực hiện: .....

[1] Tên sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

5. Kinh phí thực hiện: .....

6. Đơn vị thực hiện: .....

Điều 3. Kể từ ngày ký Quyết định này, ...(*Tên tổ chức, cá nhân*)..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày..... tháng..... năm ..... và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo kết quả khai thác, tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Sở[2] ..... tỉnh (thành phố) ..... theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nội dung đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác khoáng sản đã được phê duyệt; các biện pháp phục hồi môi trường đất đai và các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Báo cáo kết quả thực hiện đề án gửi Sở[3]..... để kiểm tra, nghiệm thu theo quy định.

4. Thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản đối với phần diện tích trả lại sau khi được nghiệm thu theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở[4] ....., ...(*tổ chức, cá nhân*)..... và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- (*Tên tổ chức, cá nhân*);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ;
- Các sở, ngành liên quan;
- UBND huyện.....[5];
- UBND xã.....[6] ;
- Các cơ quan, tổ chức có liên quan...

TM. UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

---

[2] Tên sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.
[3] Tên sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.
[4] Tên sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.
[5] UBND huyện nơi có mỏ khoáng sản.
[6] UBND xã nơi có mỏ khoáng sản.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) ....

PHỤ LỤC 1
RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Quyết định số ..... /QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

TT	Tên điểm góc	Hệ VN-2000 Kinh tuyến trục ..., múi chiếu...	
		X(m)	Y(m)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) .....

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu…	
	X(m)	Y(m)
1 2 …		
Diện tích: ... ha		

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

….(*tên khoáng sản*[1])…..tại khu vực (*tên mỏ*[2])…., xã….., huyện…., tỉnh (thành phố)….

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày.... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) .....

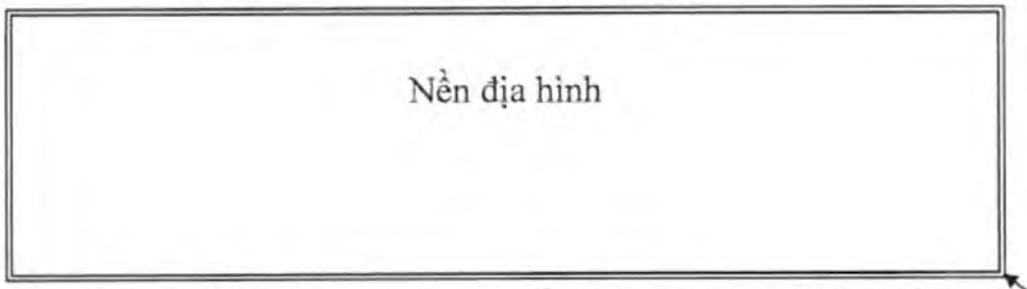

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

CHỈ DẪN

.....

.....

.....

Khung tọa độ

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu....."

[1] Tên loại khoáng sản được phép khai thác quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.
[2] Tên mỏ khoáng sản quy định trong giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp.

Mẫu số 8: Quyết định thu hồi giấy phép khai thác

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: .../QĐ-UBND	*Địa danh, ngày...tháng ...năm...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ).....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ..... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Căn cứ Thông tư số ... 2025/TT-BTNMT ngày ... tháng ..... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở[1] *.....*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy phép khai thác khoáng sản số .../GP-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố) ... cấp cho .....(*tên tổ chức/cá nhân*)..... để khai thác khoáng sản tại khu vực ... xã ... huyện... tỉnh.

Lý do thu hồi: .....[2]

Điều 2. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, ...(*tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ khoáng sản, cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

---

[1] Tên sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.

[2] Nêu rõ các lý do thu hồi giấy phép khai thác theo quy định tại điều, khoản, điểm Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản về khai thác khoáng sản nhóm IV.

2. Duy trì, bảo vệ và không được tháo dỡ, phá huỷ các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản.

3. Di chuyển tài sản còn lại của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực khai thác khoáng sản; sau thời hạn này, tài sản còn lại tại mỏ khoáng sản thuộc sở hữu nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (thành phố), Giám đốc Sở[3] ....., ... (*tổ chức, cá nhân*)..... và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- (*Tên tổ chức, cá nhân*);
- Cơ quan thẩm định hồ sơ;
- Các sở, ngành liên quan;
- UBND huyện.....[4];
- UBND xã.....[5];
- Các cơ quan, tổ chức có liên quan...

TM. UBND TỈNH (THÀNH PHỐ)
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

[3] Tên sở phụ trách lĩnh vực địa chất, khoáng sản.
[4] UBND huyện nơi có mỏ khoáng sản.
[5] UBND xã nơi có mỏ khoáng sản.